

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/DS-PT

Ngày 13 – 01– 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế và
đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết H1, sinh năm 1997.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Nguyễn Tuyết H1: Bà Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Tuyết H1: Ông Trần Hoàng Phương, là Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Mai Thị K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Mai Thị K: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Trần văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: Ông Trần

Hoàng Phương, là Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Anh Mai Văn N, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Trần văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Tuyết H1, là nguyên đơn; bà Mai Thị K, là bị đơn; bà Nguyễn Thị C, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mười chỉ có 01 người con nuôi là chị Nguyễn Tuyết H1, bà Mười chết năm 2016. Lúc sinh thời, bà Mười xác lập di chúc ngày 24/9/2016 có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời.

Theo biên bản họp thân tộc ngày 13/8/2018 thực hiện nội dung di chúc của bà Mười, nay chị H1 yêu cầu bà Mai Thị K (cháu ruột bà Mười) giao lại số tiền 62.500.000 đồng bà Mười chuyển nhượng cho bà Hoàng Hoa Phương phần đất có diện tích 125m² (theo khoản 4 nội dung di chúc ngày 24/9/2016); giao lại 04 lượng vàng 24K bà Mười chuyển nhượng cho bà Mai Thị K phần đất diện tích 5.184m² tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C . (theo khoản 3 nội dung di chúc ngày 24-9-2016) và số tiền tiết kiệm là 50.000.000 đồng với 05 chỉ vàng 24K của bà Mười để lại.

Ngoài ra, anh Mai Văn N có chặt 48 cây tràm trên phần đất còn lại của bà Mười, nên chị H1 yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại số tiền 5.700.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H2 xin rút lại phần yêu cầu bồi thường đối với anh N.

- *Theo bị đơn trình bày:*

Bà K thừa nhận có nhận số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K của bà Nguyễn Thị Mười để lại, nhưng không đồng ý giao lại cho nguyên đơn mà giữ lại để xây nhà mồ cho thân tộc.

Lúc sinh thời bà Mười có chuyển nhượng phần đất diện tích 125m² tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C . cho Hoàng Hoa Phương với số tiền 62.500.000 đồng, bà K có nhận số tiền này của bà Phương nhưng không đồng ý giao cho nguyên đơn. Lý do năm 2015, bà Mười có mượn tiền bà K 02 lần tổng cộng 60.000.000 đồng để điều trị bệnh. Việc bà Mười mượn tiền không có làm biên nhận.

Ngoài ra, bà Mười có chuyển nhượng cho bà K 04 công đất với giá 40 chỉ vàng 24K (chỉ lời nói, không có làm giấy tờ). Số vàng này bà K đã trả cho bà Mười 20 chỉ, còn lại 20 chỉ bà Mười nói sau này bà Mười chết bà K bán ra làm chi phí mai táng và xây mộ. Bà K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Theo bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Vào năm 2017, bà C cho bà K thuê 02 công đất trồng lúa, giá mỗi năm 1.200.000 đồng/ 01 công. Bà K canh tác vụ đầu nhưng không thanh toán tiền thuê, đến vụ sau bà C lấy lại canh tác. Đến khi thu hoạch lúa, bà K báo chính quyền địa phương đến lập biên bản giữ số tiền bán lúa sau khi trừ tiền thuê cắt lúa ra còn lại 7.182.000 đồng (7.722.000 đồng – 540.000 đồng = 7.182.000 đồng). Hiện nay bà K

đang quản lý số tiền bán lúa, nên bà C yêu cầu bà K giao lại số tiền bán lúa cho bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết H1. Buộc bà Mai Thị K giao trả cho chị H1 tổng số tiền 128.756.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Tuyết H1 về việc buộc bà Mai Thị K trả 40 chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc buộc bà Mai Thị K giao lại số tiền lúa 7.182.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Tuyết H1 yêu cầu anh Mai Văn N trả lại số tiền 5.700.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Mai Thị K yêu cầu chị Nguyễn Tuyết H1 trả lại tổng diện tích đất 17.443 m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/5/2021, bà Mai Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Ngày 19/5/2021, chị Nguyễn Tuyết H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Mai Thị K trả cho chị H1 40 chỉ vàng 24K và số tiền lãi bằng 26.822.000 đồng do bà K chiếm giữ số tiền tiết kiệm và tiền chuyển nhượng đất.

Ngày 19/5/2021, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà K giao lại bà C số tiền bán lúa 7.182.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thúy H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết H1; ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị K; bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

* Luật sư Phương phát biểu ý kiến tranh luận:

Đối với phần kháng cáo của chị H1: Bà K thống nhất di chúc của bà Mười lập ngày 24/9/2016 và biên bản họp thân tộc ngày 18/3/2018. Bà K thừa nhận các tài sản là của bà Mười để lại, chị H1 là con duy nhất của bà Mười. Số tiền chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương là 62.500.000 đồng, sau khi bà Mười chết đến ngày 19/11/2016 dl bà K mới nhận, bà K cho rằng bà Mười mượn của bà 60.000.000 đồng là không có căn cứ. Di chúc không thể hiện bà Mười có nhận của bà K 20 chỉ vàng 24K. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H1, không chấp nhận kháng cáo của bà K.

Đối với phần kháng cáo của bà C: Bà C là chị ruột của bà Mười, bà C được cho đất từ năm 1985. Năm 2017, bà C cho bà K thuê 02 công đất của bà C. Do bà K không trả tiền thuê đất nên năm 2018 bà C lấy lại đất canh tác. Tại biên bản hòa giải của xã, bà K đồng ý trả lại bà C tiền sạ lúa; như vậy chứng minh bà C có sạ lúa

trên đất. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, buộc bà K trả lại bà C số tiền bán lúa 7.182.000 đồng.

* Bà H2, bà C không có ý kiến tranh luận. Bà C đồng ý chia số tiền bán lúa cho bà và bà K mỗi người $\frac{1}{2}$.

* Ông T phát biểu ý kiến tranh luận: Đối với số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, khi bà Mười còn sống có nói với bà K để làm mái che nhà mồ, nên yêu cầu giao cho bà K quản lý để làm mái che. Đối với 40 chỉ vàng 24K chuyển nhượng đất cho bà K, trước đó bà Mười có nhận của bà K 20 chỉ, còn lại 20 chỉ bà K bán làm chi phí mai táng và xây mồ mã cho bà Mười. Số tiền 62.500.000 đồng chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương, do bà Mười có mượn trức của bà K 60.000.000 đồng để điều trị bệnh, bà Mười kêu trả cho bà K, nên bà Phương mới trả cho bà K nhận.

Đối với số tiền bán lúa 7.182.000 đồng, bà K không có thuê đất của bà C, mà đất do bà Mười di chúc lại cho bà K quản lý sử dụng. Khi bà K đã sạ lúa thì bà C tiếp tục sạ chồng lên, nên khi thu hoạch lúa bà K quản lý số tiền bán lúa. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà K, không chấp nhận kháng cáo của chị H1 và bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị K; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết H1 và bà Nguyễn Thị C. Sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà K giao trả cho chị H1 128.756.000 đồng và 29 chỉ 6 phân 5 ly vàng 24K; chia đôi số tiền bán lúa 7.182.000 đồng cho bà C và bà K mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết H1, bà Mai Thị K, Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Đối với kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết H1 và bà Mai Thị K:

Chị H1 khởi kiện đòi bà K giao lại số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K bà Nguyễn Thị Mười để lại, do bà K đang quản lý; 62.500.000 đồng tiền bà Mười chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương, do bà K nhận và 40 chỉ vàng 24K bà Mười chuyển nhượng đất cho bà K. Bà K không đồng ý giao lại số tiền, vàng nêu trên cho chị H1.

+ Đối với số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K của bà Mười để lại được xác định đây là di sản thừa kế. Tuy nhiên, trước khi bà Mười chết bà Mười có lập di chúc ngày 24/9/2016 định đoạt đối với phần tài sản của bà Mười. Trong nội dung di chúc lập ngày 24/9/2016, bà Mười không đề cập đến số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K cho chị H1 hay ai quản lý hay

được hưởng; do đó, khi có tranh chấp được xem xét theo quy định pháp luật. Xét thấy, chị H1 là con nuôi của bà Mười; hàng thừa kế thứ nhất của bà Mười ngoài chị H1 thì không còn ai khác. Theo quy định pháp luật thừa kế thì chị H1 là người được hưởng đối với số tiền, vàng này của bà Mười để lại. Do bà K đang quản lý số tiền vàng này, nên cấp sơ thẩm buộc bà K giao trả cho chị H1 là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà K đối với phần tiền, vàng này không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền 62.500.000 đồng bà Mười đã chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cho rằng khi bà Mười còn sống có mượn của bà K số tiền 60.000.000 đồng để điều trị bệnh, việc cho mượn không có làm biên nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc với ông Hiếu, ông Hiếu xác định lại một phần nội dung giấy xác nhận là không nhớ chính xác việc bà Mười có mượn tiền của bà K 60.000.000 đồng hay không. Theo di chúc bà Mười lập ngày 24/9/2016 thì số tiền chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương bà Mười dùng để chữa bệnh hiện tại. Thực tế số tiền chuyển nhượng đất cho Hoàng Hoa Phương, sau khi bà Mười chết thì bà Phương mới trả cho bà K nhận. Như vậy, số tiền này chưa được sử dụng để chữa bệnh cho bà Mười theo di chúc, hiện tại bà K đang quản lý số tiền này, nên buộc bà K giao lại cho chị H1 là người thừa kế của bà Mười là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà K đối với số tiền này là không có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với 40 chỉ vàng 24K bà Mười chuyển nhượng đất cho bà K: Theo di chúc của bà Mười lập ngày 24/9/2016 thì phần tiền này để khi bà Mười qua đời làm chi phí cho việc mai táng và làm mồ mã. Quá trình giải quyết vụ án, bà K cho rằng đã trả cho bà Mười 20 chỉ, còn lại 20 chỉ khi bà Mười chết đã bán làm chi phí mai táng và xây mộ. Thấy rằng: Tại Giấy xác nhận ngày 19-7-2018 và biên bản ghi lời khai ngày 24-7-2018 của Tòa án thì ông Trần Trung Hiếu là người được bà Mười nhờ lập di chúc xác định: Khi còn sống, bà Mười nói lại cho ông Hiếu nghe, bà Mười có nhận của bà K 02 lượng vàng 24K, còn lại 02 lượng vàng 24K khi nào bà Mười qua đời làm chi phí mai táng và xây mồ mã. Do bà Mười không yêu cầu ghi vào di chúc để đối trừ nên ông Hiếu không ghi vào di chúc để đối trừ 02 lượng vàng 24K bà Mười nhận của bà K. Xét lời trình bày của ông Hiếu phù hợp với trình bày của bà K, nên trình bày của bà K đã trả cho bà Mười 20 chỉ vàng 24K là có cơ sở chấp nhận.

Còn lại 20 chỉ vàng 24K, bà K cho rằng đã dùng vào chi phí mai táng và xây mộ cho bà Mười. Tại phiên tòa, chị H2 cũng thừa nhận bà K là người lo chi phí mai táng và xây mộ cho bà Mười; do đó, trình bày của bà K là có cơ sở chấp nhận. Theo bà K xác định chi phí mai táng và xây mộ cho bà Mười với tổng số tiền là 53.744.000 đồng; đồng thời, các bên cũng thống nhất xác định giá vàng tại thời điểm đó là 3.500.000 đồng/ 01 chỉ. Như vậy, 20 chỉ vàng 24K có giá trị là 70.000.000 đồng, trừ đi số tiền chi phí mai táng và xây mộ 53.744.000 đồng; còn lại 16.256.000 đồng, buộc bà K giao lại cho chị H1 là phù hợp.

Do đó, kháng cáo của chị H1 cũng như kháng cáo của bà K liên quan đến phần 40 chỉ vàng này đều không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của chị H1 yêu cầu buộc bà K trả số tiền lãi 26.822.000 đồng do bà K chiếm giữ số tiền tiết kiệm và tiền chuyển nhượng đất. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm chị H1 không đặt ra yêu cầu này và cấp sơ thẩm không xem xét, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

* Đối với yêu cầu của bà C đòi bà K trả lại số tiền bán lúa 7.182.000 đồng: Bà C cho rằng vào năm 2017, bà cho bà K thuê 02 công đất trồng lúa, giá mỗi năm 1.200.000 đồng/ 01 công. Bà K canh tác vụ đầu nhưng không thanh toán tiền thuê, đến vụ sau bà lấy lại canh tác. Đến khi thu hoạch lúa, bà K báo chính quyền đến lập biên bản giữ số tiền bán lúa. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà K không thừa nhận có thuê đất như bà C trình bày, mà bà quản lý sử dụng phần đất được giao theo di chúc của bà Mười ngày 24/9/2016; bà C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc cho thuê đất như bà C trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C trình bày phần đất cho bà K thuê quy định thời hạn thanh toán tiền thuê vào cuối năm, đất sản xuất mỗi năm hai vụ, nên việc bà C cho rằng bà K sản xuất vụ đầu không thanh toán tiền thuê nên bà lấy lại đất sản xuất là không phù hợp. Đồng thời, tại hồ sơ thể hiện biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thới lập ngày 07/12/2017 về việc tranh chấp đất đai giữa bà K với bà C, bà C yêu cầu bà K trả lại 02 công đất mà bà được cha mẹ cho; bà K cho rằng phần đất bà được giao quản lý theo di chúc bà Mười. Như vậy chứng minh phần đất 02 công nêu trên thời điểm năm 2017 là do bà K quản lý sản xuất, chứ không phải do bà C quản lý sản xuất. Tại phiên tòa, bị đơn trình bày khi bà K sạ lúa trên đất thì bà C tranh chấp, bà C sạ lúa chồng lên phần đất mà bà K đã sạ. Việc bà C sạ lúa trên phần đất này là có thực tế, bởi lẽ tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thới ngày 07/12/2017 bà K trình bày: “Phần giống bà C đã gieo sạ trên phần đất bà K đồng ý trả lại”. Như vậy, phần đất 02 công này, cả bà K và bà C đều có sạ lúa trên đất, để đảm bảo quyền lợi cho các bên nên số tiền bán lúa 7.182.000 đồng phân chia cho bà K và bà C mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp. Tại phiên tòa, bà C cũng thống nhất phân cho bà và bà K mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền bán lúa. Do bà K đang quản lý số tiền bán lúa, nên buộc bà K giao lại cho bà C $\frac{1}{2}$ bằng 3.591.000 đồng. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà C là phù hợp.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo chị Nguyễn Tuyết H1 và bà Mai Thị K; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm bà K phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H1, bà K phải chịu theo quy định; bà C không phải chịu án phí (Bà C đã được miễn dự nộp).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết H1 và bà Mai Thị K; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết H1 về việc yêu cầu anh Mai Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 5.700.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị K về việc yêu cầu chị Nguyễn Tuyết H1 trả lại diện tích đất 17.443 m².

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết H1. Buộc bà Mai Thị K giao lại cho chị H1 số tiền 128.756.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết H1 về việc buộc bà Mai Thị K trả cho chị H1 40 chỉ vàng 24K.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Mai Thị K giao lại cho bà C số tiền bán lúa là 3.591.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng:

Chị H1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định 600.000 đồng (đã nộp xong).

Bà K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.498.000 đồng (đã nộp xong).

Chị H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Mai Văn N số tiền chi phí định giá 400.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà K phải chịu 7.879.500 đồng. Ngày 13/6/2018, bà K đã dự nộp 8.722.000 đồng theo biên lai thu số 0008278 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ bà K được nhận lại số tiền 842.500 đồng.

Chị H1 phải chịu 9.487.000 đồng. Ngày 04/12/2018, chị H1 đã dự nộp 6.700.000 đồng theo biên lai thu số 0008983 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chị H1 còn phải nộp tiếp 2.787.000 đồng

Bà C được miễn chịu án phí. Ngày 23/9/2018, bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008713 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị H1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/5/2021, chị H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004977 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Bà K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/5/2021, bà K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004973 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Bà C không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập